

## ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

### I – ĐÁP ÁN 1.2

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A	A	B	A	C	B	D	B	B	A	C	D	C	A	C	D	C	B	D	D

21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
C	C	C	B	D	A	D	A	A	D	B	C	B	D	B	A	A	B	C	C

41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
C	B	B	C	B	C	D	D	D	D	B	A	A	C	D	B	A	A	C	A

61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80
D	A	B	A	A	A	C	A	C	D	B	A	D	B	B	C	C	D	B	C

81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
C	A	A	A	B	D	D	D	C	B	B	C	A	B	C	D	B	D	C	A

101	102	103	104	105	106	107	108	109	110	111	112	113	114	115	116	117	118	119	
A	D	A	B	A	D	B	A	B	A	D	C	D	C	A	D	A	C	B	

### II – HƯỚNG DẪN GIẢI

**Câu 1.** Chọn A

**Câu 2.** Chọn A

**Câu 3.** Chọn B

$$y' = 3x^2 - 6x = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x = 0 \\ x = 2 \end{cases}$$

Lập bảng biến thiên ta được hàm số đạt cực đại tại  $x = 2$  và đạt cực tiểu tại  $x = 0$

**Câu 4.** Chọn A

$$y' = 4x^3 - 4x = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x = 0 \\ x = 1 \\ x = -1 \end{cases}$$

$y(0) = 3; y(1) = y(-1) = 2$  nên hàm số có hai cực trị.

**Câu 5.** Chọn C

$$y' = 3x^2 - 3 = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x = 1 \\ x = -1 \end{cases}$$

$\Rightarrow A(1; -1), B(-1; 3) \Rightarrow$  Phương trình  $AB: y = -2x + 1$

**Phương pháp trắc nghiệm:**

Bấm máy tính:

**Bước 1 :** Bấm Mode 2 (CMPLX)

**Bước 2 :**  $x^3 - 3x + 1 - (3x^2 - 3)\left(\frac{x}{3}\right)$

**Bước 3 :** CALC  $x = i$

Kết quả :  $1 - 2i \Rightarrow$  phương trình AB:  $y = 1 - 2x$

**Câu 6.** Chọn B

$$y' = \frac{x^2 + 4x + 3}{(x + 2)^2}$$

$$y' = 0 \Leftrightarrow \frac{x^2 + 4x + 3}{(x + 2)^2} = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x = -3 \\ x = -1 \end{cases}$$

Hàm số đạt cực đại tại  $x = -3$  và  $y_{CD} = -3$

Hàm số đạt cực tiểu tại  $x = -1$  và  $y_{CT} = 1$

$$\Rightarrow M^2 - 2n = 7$$

**Phương pháp trắc nghiệm:**

Bấm máy tính:

**Bước 1:**  $\left. \frac{d\left(\frac{x^2 + 3x + 3}{x + 2}\right)}{dx} \right|_{x=1000} \cdot (100 + 2)^2 \rightarrow 1004003 = 1000^2 + 4000 + 3 = x^2 + 4x + 3$

$$y' = \frac{x^2 + 4x + 3}{(x + 2)^2}$$

**Bước 2:** Giải phương trình bậc hai :  $x^2 + 4x + 3 \Leftrightarrow \begin{cases} x = -1 \rightarrow A \\ x = -3 \rightarrow B \end{cases}$

**Bước 3:** Nhập vào máy tính  $\frac{x^2 + 3x + 3}{x + 2}$

Cacl  $x = A \rightarrow C$

Cacl  $x = B \rightarrow D$

**Bước 4:** Tính  $C^2 - 2D = 7$

**Câu 7.** Chọn D

$$y' = 3x^2 + 34x - 24 = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x = -12 \\ x = \frac{2}{3} \end{cases}$$

Lập bảng biến thiên ta thấy hàm số đạt cực đại tại  $x = -12$ .

**Câu 8.** Chọn B

$$y' = 12x^3 - 12x = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x = 0 \\ x = -1 \\ x = 1 \end{cases}$$

Hàm số đạt cực đại tại  $x = 0$  và  $y_{CD} = 1$ .

**Câu 9.** Chọn B

Hàm số  $y = \sqrt{-x^2 + 3x - 2}$  có  $y' = \frac{-2x + 3}{2\sqrt{-x^2 + 3x - 2}}$  và  $y'$  đổi dấu từ "+" sang "-"

khi  $x$  chạy qua  $\frac{3}{2}$  nên hàm số đạt cực đại tại  $x = \frac{3}{2}$ .

Dùng casio kiểm tra:  $\begin{cases} y'(\frac{3}{2}) = 0 \\ y''(\frac{3}{2}) < 0 \end{cases}$  thì hàm số đạt cực đại tại  $\frac{3}{2}$ .

**Câu 10.** Chọn A

Hàm số  $y = -10x^4 - 5x^2 + 7$  có  $y' = -40x^3 - 10x = 0 \Leftrightarrow x = 0$  và  $y''(0) = -10 < 0$  nên hàm số đạt cực đại tại  $x = 0$ .

**Câu 11.** Chọn C

$$y' = \frac{3x^2 + 18x + 20}{(x+3)^2} = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x = \frac{-9 + \sqrt{21}}{3} \\ x = \frac{-9 - \sqrt{21}}{3} \end{cases} \Rightarrow \text{Phương trình đường thẳng đi qua hai}$$

điểm cực trị của đồ thị hàm số là  $y = 6x + 13$ .

**Phương pháp trắc nghiệm:**

Tại điểm cực trị của đồ thị hàm số phân thức, ta có:  $\frac{f(x)}{g(x)} = \frac{f'(x)}{g'(x)}$

Vậy phương trình đường thẳng đi qua hai điểm cực trị của đồ thị hàm số là

$$y = \frac{(3x^2 + 13x + 19)'}{(x+3)'} \Leftrightarrow y = 6x + 13$$

**Câu 12.** Chọn D

**TXĐ:**  $D = (-\infty; 0] \cup [2; +\infty)$ .

$$y' = \frac{x-1}{\sqrt{x^2-2x}} = 0 \Leftrightarrow x = 1(l)$$

$y'$  không đổi dấu trên các khoảng xác định nên hàm số không có cực trị.

**Câu 13.** Chọn C

$$y' = 7x^6 - 5x^4 = x^4(7x^2 - 5) = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x = 0 \\ x = \pm\sqrt{\frac{5}{7}} \end{cases}$$

$y'$  chỉ đổi dấu khi  $x$  chạy qua  $\pm\sqrt{\frac{5}{7}}$  nên hàm số có hai điểm cực trị.

**Câu 14.** Chọn A

$f'(x)$  đổi dấu khi  $x$  chạy qua  $-1$  và  $3$  nên hàm số có 2 điểm cực trị.

**Câu 15.** Chọn C

**TXĐ**  $D = (-\infty; 0) \cup (2; +\infty)$

$$y' = \frac{1}{3}(x^2 - 2x)^{-\frac{2}{3}}(2x - 2)$$

$y'$  không đổi dấu trên các khoảng xác định nên hàm số không có cực trị.

**Câu 16.** Chọn D

$D = \square$

$$y' = -3x^2 + 6x + 6$$

Phương trình  $y' = 0$  luôn có hai nghiệm phân biệt  $x_1, x_2$  và  $y'$  đổi dấu khi  $x$  chạy qua  $x_1, x_2$  nên hàm số đạt cực trị tại  $x_1, x_2$ .

$$S = x_1^2 + x_2^2 = (x_1 + x_2)^2 - 2x_1x_2 = 8$$

**Phương pháp trắc nghiệm:**

**Bước 1:** Giải phương trình bậc hai :  $-3x^2 + 6x + 6 \Leftrightarrow \begin{cases} x = 1 + \sqrt{3} \rightarrow A \\ x = 1 - \sqrt{3} \rightarrow B \end{cases}$

**Bước 2:** Tính  $A^2 + B^2 = 8$

**Câu 17.** Chọn C

**Câu 18.** Chọn B

**Câu 19.** Chọn D

**Câu 20.** Chọn D

**Câu 21.** Chọn C

Hàm số bậc ba:  $y = ax^3 + bx^2 + cx + d, (a \neq 0)$  có TXĐ:  $D = \mathbb{R}$

$$y' = 3ax^2 + 2bx + c$$

$$\Delta' = b^2 - 3ac$$

Nếu  $\Delta' \leq 0$  thì  $y'$  không đổi dấu trên  $\mathbb{R}$  nên hàm số không có cực trị.

Nếu  $\Delta' > 0$  thì phương trình  $y' = 0$  luôn có hai nghiệm phân biệt  $x_1, x_2$  và  $y'$  đổi dấu khi  $x$  chạy qua  $x_1, x_2$  nên hàm số đạt cực trị tại  $x_1, x_2$ .

**Câu 22.** Chọn C

**Câu 23.** Chọn C

**Câu 24.** Chọn B

**Câu 25.** Chọn D

**Câu 26.** Chọn A

Hàm số  $y = x + \frac{1}{x+1}$  có TXĐ:  $D = \mathbb{R} \setminus \{-1\}$

$$y' = 1 - \frac{1}{(x+1)^2} = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x = 0 \\ x = -2 \end{cases}$$

$y'$  đổi dấu khi  $x$  chạy qua  $-2$  và  $0$  nên hàm số đã cho có hai điểm cực trị.

**Câu 27.** Chọn D

Hàm số  $y = \frac{x+1}{x-2}$  có TXĐ:  $D = \mathbb{R} \setminus \{2\}$

$y' = -\frac{3}{(x-2)^2} < 0, \forall x \in D$  nên hàm số không có cực trị

**Câu 28.** Chọn A

**Câu 29.** Chọn A

TXĐ  $D = \mathbb{R}$

$$y' = -3x^2 + 3 = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x = 1 \\ x = -1 \end{cases}$$

$y'$  đổi dấu từ "-" sang "+" khi  $x$  chạy qua  $-1$  nên hàm số đạt cực tiểu tại  $x = -1$ .

**Câu 30.** Chọn D

Hàm số  $y = 2\sqrt{x} - x$  có TXĐ  $D = [0; +\infty)$

$$\begin{cases} y'(1) = 0 \\ y''(1) = -\frac{1}{2} < 0 \end{cases} \text{ nên hàm số đạt cực đại tại } x = 1.$$

**Câu 31.** Chọn B

+ A. Hàm số trùng phương luôn luôn có cực trị.

+ B.  $y = x^3 + 1$

Ta có:  $y' = 3x^2 \Rightarrow y' \geq 0 \forall x \in R$ .

Do đó, hàm số luôn đồng biến trên  $R$ . Hàm số này không có cực trị.

+ Đối với phương án C và D, đây là hàm số bậc nhất và phân thức hữu tỉ bậc nhất/bậc nhất. Đây là 2 hàm số luôn đơn điệu trên từng khoảng xác định của chúng, do đó 2 hàm số này không có cực trị.

**Câu 32.** Chọn C

+ Đây là hàm số trùng phương có  $ab = -3 < 0$  nên hàm số này có 3 điểm cực trị. Mặt khác, có  $a = 1 > 0$  nên hàm số có 2 điểm cực tiểu và 1 điểm cực đại.

**Câu 33.** Chọn B

+ Để hàm số đạt cực đại  $x = 1$  thì  $\begin{cases} y'(1) = 3.1^2 - 2m.1 + 2m - 3 = 0 \\ y''(1) = 6.1 - 2m < 0 \end{cases} \Leftrightarrow m > 3$

**Câu 34.** Chọn D

+ Hàm phân thức hữu tỉ bậc nhất/ bậc nhất luôn đơn điệu trên các khoảng xác định của chúng, do đó hàm này không có cực trị.

**Câu 35.** Chọn D

+ Ta có:  $y' = 3x^2 - 4x + 1$ .

$$y' = 0 \Leftrightarrow 3x^2 - 4x + 1 = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x = 1 \\ x = \frac{1}{3} \end{cases}$$

Hàm số đạt cực tiểu tại  $x = 1 \Rightarrow y_{CT} = 3$

**Câu 36.** Chọn A

+ Hàm trùng phương có 1 điểm cực trị khi  $ab \geq 0 \Leftrightarrow m - 2 \geq 0 \Leftrightarrow m \geq 2$ .

**Câu 37.** Chọn A

+ Ta có:  $y' = -x^2 + 8x - 5$ .

$x_1, x_2$  là hai nghiệm của phương trình:  $y' = 0 \Leftrightarrow -x^2 + 8x - 5 = 0$ .

Khi đó, theo định lý Viet, ta có:  $x_1 x_2 = 5$

**Câu 38.** Chọn B

+ Ta có:  $y' = 12x^3 - 12x^2 = 12x^2(x-1)$ .

$$\text{Xét } y' = 0 \Leftrightarrow 12x^2(x-1) = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x = 0 \\ x = 1 \end{cases}$$

Lập bảng biến thiên, ta thấy hàm số đạt cực tiểu tại  $x = 1$ .

**Câu 39.** Chọn C

TXĐ:  $D = R$

+ Ta có:  $y' = 2a \cos 2x - 3b \sin 3x - 2$ .

Hàm số đạt cực trị tại  $x = \frac{\pi}{2}; x = \pi$  nên ta có hệ phương trình:

$$\begin{cases} y'(\frac{\pi}{2}) = -2a + 3b - 2 = 0 \\ y'(\pi) = 2a - 2 = 0 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} a = 1 \\ b = \frac{4}{3} \end{cases}$$

Do đó, giá trị của biểu thức  $P = a + 3b - 3ab = 1$ .

**Câu 40.** Chọn C

+ Đây là hàm số bậc 3 có  $b^2 - 3ac = 6^2 - 3.3.4 = 0$ . Do đó, hàm số luôn đơn điệu trên  $R$ .

Hàm số này không có cực trị.

**Câu 41.** Chọn C

$$y' = 3x^2 - 6x + m$$

$$y'' = 6x - 6$$

Hàm số đạt cực tiểu tại  $x = 2$  khi:

$$\begin{cases} y'(2) = 3.2^2 - 6.2 + m = 0 \\ y''(2) = 6.2 - 6 > 0 \end{cases} \Leftrightarrow m = 0$$

**Câu 42.** Chọn B

$$y' = 3x^2 - 12x + 9$$

$$y' = 0 \Leftrightarrow 3x^2 - 12x + 9 = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x = 1 \\ x = 3 \end{cases}$$

Hàm số đạt cực đại tại  $x = 1 \Rightarrow y_{CD} = 3$ .

**Câu 43.** Chọn B

$$+ \text{Hàm số có cực đại, cực tiểu khi } \begin{cases} b^2 - 3ac > 0 \\ a \neq 0 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} 9 + 3(m-1)(m+1) > 0 \\ m-1 \neq 0 \end{cases} \Leftrightarrow m \neq 1$$

**Câu 44.** Chọn C

+ A. Hàm số trùng phương luôn có cực trị do đạo hàm của nó là một đa thức bậc 3

luôn có nghiệm thực. Nên đáp án này đúng.

+ B. Hàm số bậc 3 có tối đa 2 cực trị. Nên đáp án này sai.

+ C. Hàm số trùng phương chỉ có thể có 1 hoặc 3 điểm cực trị. Nên đáp án này sai.

+ D. Đáp án này sai.

**Câu 45.** Chọn B

$$y' = 4x^3 - 4x = 4x(x^2 - 1)$$

$$y' = 0 \Leftrightarrow 4x(x^2 - 1) = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x = 0 \\ x = \pm 1 \end{cases}$$

Hàm số đạt cực tiểu tại  $x = \pm 1$  và  $y_{CT} = 4$ .

**Câu 46.** Chọn C

+ Ta có:  $y' = -\frac{2}{\sqrt[3]{x}}$ . Dễ dàng nhận thấy  $x = 0$  là điểm tới hạn của hàm số, và  $y'$

đổi dấu khi đi qua  $x = 0$ . Nên  $x = 0$  là cực trị của hàm số. Hơn nữa, ta có hàm số đồng biến trên  $(-\infty; 0)$  và nghịch biến trên  $(0; +\infty)$ . Do đó,  $x = 0$  là cực đại của hàm số.

**Câu 47.** Chọn D

+ Đây là hàm số trùng phương có  $ab = -3.4 < 0$  nên hàm số này có 3 điểm cực trị. Hơn nữa, hàm số có  $a = -3 < 0$  nên hàm số có 2 điểm cực đại và 1 điểm cực tiểu.

**Câu 48.** Chọn D

+ A. Có  $y' = 3x^2 \geq 0 \forall x \in R$ . Do đó, hàm số này luôn đồng biến trên  $R$ . Hay nói cách khác, hàm số này không có cực trị.

+ B. Đây là hàm số bậc 3 có  $b^2 - 3ac = 3 > 0$ . Do đó, hàm số này có 2 cực trị.

+ C. Hàm số trùng phương luôn có cực trị.

+ D. Đây là hàm số bậc 3 có  $b^2 - 3ac = 9 > 0$ . Do đó, hàm số này có 2 cực trị.

**Câu 49.** Chọn D

$$y' = 3x^2 - 12x + 4.$$

$$y' = 0 \Leftrightarrow 3x^2 - 12x + 4 = 0.$$

$x_1, x_2$  là hai nghiệm của phương trình  $y' = 0$ .

Khi đó, theo định lý Viet, ta có:  $x_1 + x_2 = 4$ .

**Câu 50.** Chọn A

$$y' = 3x^2 - 6x = 3x(x - 2)$$

$$y' = 0 \Leftrightarrow 3x(x - 2) = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x = 0 \\ x = 2 \end{cases}$$

$$y_{CD} - y_{CT} = y(0) - y(2) = 4.$$

**Câu 51.** Chọn B

$$y' = 3ax^2 + 2bx + c$$

+ Đồ thị hàm số có điểm cực trị là gốc tọa độ, ta có:

$$\begin{cases} y'(0) = 0 \\ y(0) = 0 \end{cases} \Leftrightarrow c = d = 0$$

+ Đồ thị hàm số có điểm cực trị là  $A(-1; -1)$ , ta có:

$$\begin{cases} y'(-1) = 0 \\ y(-1) = -1 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} 3a - 2b = 0 \\ b - a = -1 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} a = -2 \\ b = -3 \end{cases}$$

Vậy hàm số là:  $y = -2x^3 - 3x^2$ .

**Câu 52.** Chọn A

- + A. Hàm số trùng phương luôn có cực trị.
- + B. Đây là hàm số bậc 3 có  $b^2 - 3ac = -5 < 0$ . Do đó, hàm số này không có cực trị.
- + C. Hàm số bậc nhất đơn điệu trên  $R$ . Do đó, hàm số này cũng không có cực trị.
- + D. Hàm số phân thức hữu tỷ bậc nhất/bậc nhất luôn đơn điệu trên các khoảng xác định của nó.  
Do đó, hàm số này không có cực trị.

**Câu 53.** Chọn A

+ Như ta đã biết, điều kiện để hàm số trùng phương có 3 điểm cực trị là  $-\frac{b}{2a} > 0$ . Ở đây lại có,  $a \neq 0$  nên điều kiện trở thành  $ab < 0$ .

**Câu 54.** Chọn C

Hàm số bậc 3 có cực đại, cực tiểu thì  $b^2 - 3ac > 0 \Leftrightarrow 4m^2 - (4m - 1) > 0$   
 $\Leftrightarrow (2m - 1)^2 > 0 \Leftrightarrow m \neq \frac{1}{2}$ .

**Câu 55.** Chọn D

$$y' = -4x^3 + 8x = -4x(x^2 - 2)$$

$$y' = 0 \Leftrightarrow -4x(x^2 - 2) = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x = 0 \\ x = \pm\sqrt{2} \end{cases}$$

Hàm số đạt cực đại tại  $x = \pm\sqrt{2} \Rightarrow y_{CD} = 7$ .

**Câu 56.** Chọn B

+ A. Đây là hàm số bậc 3 có  $b^2 - 3ac = 25 > 0$ . Do đó, hàm số có 2 cực trị.  
 + B. Hàm số  $y = x^4 + 3x^2 + 2$  có 1 cực trị.

+ C. Có  $y' = \frac{2x^2 + 1}{3x^2} > 0 \forall x \in R \setminus \{0\}$ . Do đó, hàm số này đồng biến trên từng khoảng xác định của nó. Hàm số này không có cực trị.

+ D. Có  $y' = 2017.6x^5 + 2016.4x^3$ . Xét  $y' = 0 \Leftrightarrow x = 0$ . Do đó hàm số này có đúng 1 cực trị.

**Câu 57.** Chọn A

Ta có  $y' = \frac{2 - 2x^3}{\sqrt{1 + 4x - x^4}}$ .  $y' = 0 \Leftrightarrow x = 1 \Rightarrow y(1) = 2$

**Câu 58.** Chọn A

Ta có  $y' = 3x^2 - 4x + a$

Đồ thị hàm số có điểm cực trị là  $A(1; 3)$ , ta có:

$$\begin{cases} y'(1) = -1 + a = 0 \\ y(1) = -1 + a + b = 3 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} a = 1 \\ b = 3 \end{cases}$$

Khi đó ta có,  $4a - b = 1$ .

**Câu 59.** Chọn C

$$y' = 3x^2 - 6x$$



$$y' = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x = 0 \\ x = 2 \end{cases}$$

Ta có:  $a = y(0) = -2; b = y(2) = -6 \Rightarrow 2a^2 + b = 2$ .

**Câu 60.** Chọn A

+ Hàm số trùng phương luôn đạt cực trị tại  $x = 0$ . Do đó:  $x_1 x_2 x_3 = 0$ .

**Câu 61.** Chọn D

**[Phương pháp tự luận]**

$$y' = 3x^2 - 3 = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x = 1 \\ x = -1 \end{cases}$$

Lập bảng biến thiên  $\Rightarrow$  Hàm số đạt cực đại tại  $x = -1$

**Câu 62.** Chọn A

**[Phương pháp tự luận]**

$$y' = -4x^3 + 4x = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x = 0 \\ x = \pm 1 \end{cases}$$

Lập bảng biến thiên. Suy ra:  $y_{CB} = -4$

**Câu 63.** Chọn B

**[Phương pháp tự luận]**

$$y' = x^2 - 4x + 4 = (x - 2)^2 \geq 0, \forall x \in R$$

Hàm số không có cực trị

**Câu 64.** Chọn A

**[Phương pháp tự luận]**

$$y' = 3x^2 - 6x = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x = 0 \\ x = 2 \end{cases}. \text{ Vậy hàm số có 2 cực trị.}$$

**Câu 65.** Chọn A

**Câu 66.** Chọn A

**[Phương pháp tự luận]:**  $y' = 4mx^3 - 2(m+1)x = 0$

$$\Leftrightarrow 2x(2mx^2 - m - 1) = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x = 0 \\ 2mx^2 = m + 1 \end{cases}$$

Hàm số có 3 điểm cực trị  $\Leftrightarrow m(m+1) > 0 \Leftrightarrow \begin{cases} m < -1 \\ m > 0 \end{cases}$

**[Phương pháp trắc nghiệm]:** Đồ thị hàm số  $y = ax^4 + bx^2 + c$  có 3 cực trị khi và chỉ khi  $a$  và  $b$  trái dấu, tức là:  $ab < 0$

Suy ra:  $m(m+1) > 0 \Leftrightarrow \begin{cases} m < -1 \\ m > 0 \end{cases}$

**Câu 67.** Chọn C

**[Phương pháp tự luận]**

$$y' = 3x^2 - 4x + m + 3$$

Hàm số không có cực trị  $\Leftrightarrow \Delta'_{y'} \leq 0 \Leftrightarrow 4 - 3(m+3) \leq 0 \Leftrightarrow m \geq -\frac{5}{3}$